

Bản án số: 36/2024/HS-ST
Ngày 09-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Na

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Hiền

Ông Đinh Công Hoat

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Trung Đức, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Đàm Đình Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024 với điểm cầu thành phần tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hoàng Văn L; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 08/8/1992; tại: huyện T, tỉnh Cao Bằng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Thẻ CCCD: 004092009075; cấp ngày: 25/9/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ C; Nơi cư trú: xóm P, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Bố đẻ: Hoàng Văn O (đã chết); Mẹ đẻ: Thân Thị T (sinh năm 1971; trú tại: xóm P, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng); Vợ, Con: chưa có; Anh chị em ruột: Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 chị, em; Tiền sự: Không. Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 08/9/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 18 tháng tù giam về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự. Đến tháng 9/2022 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo đang bị bắt tạm giam từ ngày 03/12/2023 đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng theo Lệnh tạm giam số 120/LTG-CSĐT ngày 02/12/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng trong vụ án khác. Có mặt.

2. Họ và tên: Lô Văn K; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 01/01/1992; tại: huyện T, tỉnh Cao Bằng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Thẻ CCCD: 004092003698; cấp ngày: 28/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ C; Nơi cư trú: xóm Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Bố đẻ: Lô Văn K1 (sinh năm 1968); Mẹ đẻ: Dương Thị P (sinh năm 1969); cùng trú tại: xóm Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Vợ: Lục Thị T1 (sinh năm 1993); Con: có 02 con (sinh năm 2017 và 2019); cùng trú tại: xóm Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Anh chị em ruột: Bị cáo là con cả trong gia đình có 02 anh, em; Tiền án/ tiền sự: không có; Bị cáo đang bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/10/2023 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 18^h35' ngày 21/10/2023, tổ công tác của Đoàn Biên phòng N phối hợp với Công an xã K làm nhiệm vụ tại khu vực xóm G, xã K, huyện T phát hiện 02 (hai) nam giới điều khiển 02 (hai) xe mô tô, mỗi xe chở 02 (hai) người ngồi sau đi theo hướng xóm Đ và xóm G có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác ra tín hiệu dừng xe để kiểm tra thì 01 xe mô tô bỏ chạy theo hướng mốc biên giới 771, quá trình bỏ chạy lái xe đã bỏ lại 02 người Việt Nam là Trương Ngọc Á (SN 1995; Trú tại: xóm Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc) và Nguyễn Thanh T2 (SN 1991; Trú tại: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp); còn lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, biển kiểm soát 11K1-160.50 do Lô Văn K (sinh năm 1992; Trú tại: xóm Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng) điều khiển bị dừng lại kiểm tra, Lô Văn K đang chở 02 người Việt Nam là Nguyễn Thị T3 (SN 1987; Trú tại: thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa) và Lê Thị Hồng Á1 (SN 1990; Trú tại: ấp V, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước). Nhận thấy có dấu hiệu của việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, tổ công tác đưa Lô Văn K và 04 (bốn) công dân Việt Nam về Đoàn Biên phòng N tiếp tục xác minh làm rõ sự việc.

Quá trình điều tra, xác định:

Khoảng tháng 4/2023, Hoàng Văn L (sinh năm 1992; Trú tại: xóm P, xã K, huyện T) có quen biết và kết bạn qua ứng dụng Wechat với một người đàn ông Trung Quốc (không rõ tên tuổi, địa chỉ). Vào ngày 21/10/2023, người đàn ông Trung Quốc đã liên lạc với L và đề nghị L đón, dẫn đường cho 04 (bốn) người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua mốc biên giới số 775 thuộc xã K, huyện T, hứa hẹn sẽ trả số tiền 2.000.000^d/ 01 người, tổng cộng là 8.000.000^d và sẽ nhận tiền khi đưa người đến điểm hẹn, L đồng ý rồi gửi số điện thoại của mình cho người đàn ông Trung Quốc để nhóm người Việt Nam tự liên lạc và thông báo địa điểm đón người. Sau đó, Hoàng Văn L gọi điện và rủ Lô Văn K cùng tham gia thực hiện việc đưa 04 (bốn) người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, thống nhất sẽ chia nhau số tiền công, K đồng ý.

Khoảng 16 giờ ngày 21/10/2023, có một người phụ nữ gọi điện và bảo L đến đón người tại công nhà nghỉ H (thuộc thị trấn T, huyện T); sau đó L đã gọi điện

thông báo cho K đến nhà L để cùng nhau di chuyển đi đón 04 (bốn) người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Khi gặp được nhau tại nhà của L, Hoàng Văn L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX, màu đỏ đen (không rõ biển kiểm soát) còn Lô Văn K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen, biển kiểm soát 11K-160.50 cùng nhau đi đến thị trấn T, huyện T; đến nơi L và K cùng nhau nghỉ ngơi, ăn cơm. Đến khoảng 18 giờ ngày 21/10/2023, L và K đến nhà nghỉ H thì thấy có 04 người (03 nữ, 01 nam) đang chờ sẵn, biết được đây là nhóm 04 (bốn) người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, L đã yêu cầu những người này lên xe; sau đó L chở theo 02 người và K chở theo 02 người rồi cùng nhau di chuyển theo hướng vào khu vực biên giới. Khi đi đến địa phận xóm G, xã K, huyện T thì bị lực lượng chức năng phát hiện, yêu cầu dừng xe kiểm tra, Hoàng Văn L đã bỏ lại 02 công dân Việt Nam xuất cảnh trái phép để bỏ chạy, còn Lô Văn K và 04 (bốn) công dân Việt Nam bị giữ lại rồi đưa về Đồn Biên phòng N tiếp tục xác minh làm rõ sự việc.

Đến ngày 24/11/2023, Hoàng Văn L bị Đồn Biên phòng N bắt quả tang về hành vi “tàng trữ trái phép chất ma túy” và đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định khởi tố bị cáo số 164/QĐ-CSĐT; Lệnh tạm giam số 120/LTG-CSĐT cùng ngày 02/12/2023 đối với Hoàng Văn L về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy hành vi, quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ đề nghị truy tố theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự.

Tại bản Cáo trạng số: 12/CT-VKSCB-P1 ngày 06/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn L, Lô Văn K về tội: “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo là đúng với hành vi đã thực hiện.

Kết thúc việc hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Hoàng Văn L, Lô Văn K về tội: “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn L, Lô Văn K phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn L từ 36 tháng đến 42 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lô Văn K từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách nhà nước đối với $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 11K1-160.50, loại xe: hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn: xanh đen bạc, dung tích xi lanh: 109cm³; số máy: JA39E2599661, số khung: RLHJA3923NY10216, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất 2022, xe cũ đã qua sử dụng.

Trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe trên cho bà Lục Thị T1.

Trả lại cho bị cáo Lô Văn K 01 điện thoại Nokia màu đen.

Về án phí: Các bị cáo được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án về động cơ, mục đích, thời gian, địa điểm cũng như cách thức đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 21/10/2023, Hoàng Văn L và Lô Văn K mỗi người điều khiển 01 xe mô tô đến nhà nghỉ H (thuộc thị trấn T, huyện T) đón được 04 (bốn) người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua mốc biên giới số 775 thuộc xã K, huyện T; với số tiền công thỏa thuận là 8.000.000^d (tám triệu đồng). Quá trình di chuyển, L và K chở theo mỗi xe 02 (hai) người, khi đi đến khu vực biên giới thuộc xóm G, xã K, huyện T thì bị lực lượng chức năng phát hiện, yêu cầu dừng xe kiểm tra và bắt quả tang.

Hành vi đón, đưa người để vượt biên sang Trung Quốc mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vì động cơ vụ lợi là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị cáo là người địa phương thông thuộc đường biên giới, việc đưa những người có ý định xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc của bị cáo gây khó khăn trong công tác quản lý, tuần tra, kiểm soát biên giới. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Việc các bị cáo tự ý tổ chức cho người khác qua biên giới không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp.

Việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo cũng như phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo Lô Văn K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Đối với bị cáo Hoàng Văn L có 01 tiền án về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lô Văn K không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo Hoàng Văn L phạm tội trong trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy, được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đánh giá vai trò đồng phạm: Trong vụ án này, các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Hoàng Văn L là người có vai trò cao hơn, đã trao đổi thông tin trực tiếp từ người đàn ông Trung Quốc, rủ bị cáo Lô Văn K cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét.

[4]. Về hình phạt chính:

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội; vai trò, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo và tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*, Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với bị cáo.

[6] Việc xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô thu giữ với bị cáo Lô Văn K được xác định là tài sản chung vợ chồng nên cần phải tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách nhà nước đối với $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 11K1-160.50, loại xe: hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn: xanh đen bạc, dung tích xi lanh: 109cm³; số máy: JA39E2599661, số khung: RLHJA3923NY10216, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất 2022, xe cũ đã qua sử dụng. Đồng thời, trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe trên cho bà Lục Thị T1.

Trả lại cho bị cáo Lô Văn K 01 điện thoại Nokia màu đen do không liên quan hành vi phạm tội.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông Trung Quốc đã liên lạc và thuê Hoàng Văn L đưa 04 (bốn) người Việt Nam xuất cảnh trái phép: quá trình điều tra, L khai nhận đã xóa toàn bộ nội dung trong điện thoại; ngoài ra không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có cơ sở để tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ.

Đối với 04 (bốn) công dân Việt Nam là Trương Ngọc Á, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Thị T3 và Lê thị Hồng Á1 có hành vi xuất cảnh trái phép: Đoàn Biên phòng N- Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Qua lại biên giới Quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh theo quy định” bằng hình thức phạt tiền, mức xử phạt 4.000.000đ/ 01 người.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các bị cáo được miễn án phí theo quy định của pháp luật do các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Văn L, Lô Văn K phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn L 36 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/12/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lô Văn K 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/10/2023.

2. Việc tịch thu tiền, vật trực tiếp liên quan đến tội phạm và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách nhà nước đối với $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 11K1-160.50, loại xe: hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn: xanh đen bạc, dung tích xi lanh: 109cm³; số máy: JA39E2599661, số khung: RLHJA3923NY10216, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất 2022, xe cũ đã qua sử dụng.

- Trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe trên cho bà Lục Thị T1.

- Trả lại cho bị cáo Lô Văn K 01 điện thoại Nokia màu đen được đựng trong phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “ 01 điện thoại di động của Lô Văn K tạm giữ ngày 21/10/2023”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia

niêm phong và 04 góc có đóng hình dấu tròn mực đỏ của Đoàn Biên phòng N, Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng.

Xác nhận các vật chứng trên đang được tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 79 ngày 04/4/2024.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hoàng Văn L, Lô Văn K được miễn án phí hình sự.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình được ghi nhận trong bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan An ninh điều tra;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp CB;
- PC 10 - CA tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án, HCTP;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Na

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trương Thị Hiền Đinh Công Hoạt

Lê Na

